

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày 20/4/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Thành Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1965 - Người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh TTL. Địa chỉ: Ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: khu phố ST, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2022) - (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1975 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: ấp BT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn S - Người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh TTL và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hoàng H trình bày như sau:

Trước đây, vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông Nguyễn Văn S làm chủ để mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu nhiều lần. Tính từ ngày 25/3/2013 đến ngày 10/4/2016 vợ chồng ông M, bà H còn nợ số tiền gốc 335.806.000 đồng và lãi 163.472.000 đồng. Việc mua thiếu vật tư nông nghiệp có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, đến vụ Đông-Xuân năm 2020-2021 ông M, bà H trả được số tiền 5.000.000 đồng và được bà Nguyễn Thị H ký nhận nợ vào sổ ghi nợ của ông S. Sau đó, vợ chồng ông M, bà H không chịu trả nợ và cố tình trốn tránh. Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền mua thiếu phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng H yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TThL do ông S làm chủ số tiền gốc 335.806.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2020 là 48 tháng thành tiền 161.186.000 đồng. Ông H đồng ý trừ 5.000.000 đồng bà H đã trả và tự nguyện giảm số tiền lãi chỉ yêu cầu trả đủ 100.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà ông M, bà H phải trả cho ông S là 435.806.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, hiện ông và bà H vẫn còn chung sống với nhau. Trước đây, ông không nhớ rõ năm nào, nhưng khoảng vào năm 2013, vợ chồng ông có mua thiếu nhiều lần phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông Nguyễn Văn S làm chủ. Sau mỗi vụ lúa vợ chồng ông có trả được một số tiền và nợ lại một ít tiền, nhưng việc trả tiền đều do vợ ông là bà Nguyễn Thị H trả cho ông S, nên hiện nay ông không biết biết vợ chồng ông còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu của ông S là bao nhiêu. Nay ông S khởi kiện yêu cầu trả nợ thì ông cũng đồng ý, nhưng ông xin trả dần, chứ không có khả năng trả một lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị H, nhưng các bà H đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Tòa án không gia hạn thời hạn xét xử, tính đến ngày 22/02/2023 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng ông M, bà H vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 335.806.000đồng gốc.

Về lãi suất: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giảm một phần tiền lãi cho bị đơn với số tiền 56.186.880đồng nên số tiền lãi mà bị đơn còn phải trả là 100.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 435.806.000đồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu là 435.806.000đồng, phía bị đơn cư trú tại ấp BT, xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*: Từ ngày 25/3/2013 đến ngày 01/10/2015 ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông Nguyễn Văn S làm chủ để mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần, nhằm phục vụ cho việc canh tác lúa. Đến ngày 10/4/2016 hai bên kết nợ với nhau, thì ông M, bà H còn nợ số tiền gốc là 335.806.000 đồng và lãi 163.472.000 đồng. Việc mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, đến vụ Đông-Xuân năm 2020-2021 ông M và bà H có trả được số tiền 5.000.000 đồng, rồi không chịu trả nợ nữa cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng H yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông S làm chủ với số tiền gốc 335.806.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Tại sổ theo dõi việc mua bán hàng (phân bón, thuốc trừ sâu) có ghi dòng chữ “Nguyễn Văn M, H ấp BTh - xã BS - HD -KG” mà phía nguyên đơn cung cấp, có nội dung thể hiện số lần mua hàng, số tiền nợ và số tiền lãi của từng đợt mà ông M, bà H mua thiếu của cửa hàng. Bên bán có tổng kết nợ gốc, nợ lãi, cả số tiền bên mua đã trả vào vụ Đông Xuân năm 2020-2021 và được bà H xác nhận nợ bằng cách ký tên và ghi rõ họ tên bên dưới dòng chữ màu đỏ “Đ Xuân 20-21 trả = 5.000”. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2022, ông Nguyễn Văn M cũng thừa nhận rằng vợ chồng ông có mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần của Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông Nguyễn Văn S làm chủ, hiện vợ chồng ông vẫn còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu của ông S, nhưng cụ thể còn nợ bao nhiêu tiền thì ông không biết, vì vợ ông là bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp tính toán và trả tiền cho ông S. Nay ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả nợ, thì ông cũng đồng ý.

Hiện vợ chồng ông vẫn còn chung sống với nhau tại ấp BT, xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang. Số phân bón, thuốc trừ sâu vợ chồng ông mua thiếu của ông S là để phục vụ việc canh tác lúa nhằm phát triển kinh tế gia đình, các lần Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng ông đều thông báo cho bà H biết, nhưng do bà H phải đi làm ăn (mua bán rau tươi), nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án được.

Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 20/02/2023, Ban lãnh đạo ấp BT cũng cung cấp thông tin, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện HD, tỉnh Kiên Giang và hiện nay vẫn còn đang

sinh sống, có mặt tại địa phương. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo bằng văn bản (thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ) cho bà Nguyễn Thị H được biết về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ (nếu có) để Tòa án xem xét, nhưng bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với nguyên đơn, cũng như không nộp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ việc cho Tòa án để được xem xét, giải quyết. Như vậy, có thể thấy số nợ ghi trên sổ theo dõi việc mua bán hàng là có thật và ông M, bà H vẫn chưa trả cho ông S.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận. Do đó buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 335.806.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2020 là 48 tháng thành tiền 161.186.880 đồng.

HĐXX thấy rằng yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn khi thỏa thuận bán thiếu hai bên có thỏa thuận tính lãi suất, đồng thời tại sổ theo dõi việc mua bán hàng có thể hiện số tiền lãi của từng lần mua và khi kết nợ, mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Như vậy, chứng tỏ khi mua bán hai bên có thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1%/tháng, xét thấy mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên HĐXX chấp nhận.

Thời gian tính lãi suất như sau: Tính từ tháng 4/2016 cho đến tháng 4/2020 là 48 tháng: $335.806.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 48 \text{ tháng} = 161.186.880 \text{ đồng}$, trừ đi 5.000.000 đồng tiền bà Huệ, ông Mừng trả vào vụ Đông Xuân 2020-2021, còn lại 156.186.880 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện giảm số tiền lãi 56.186.880 đồng, mà chỉ yêu cầu trả số tiền lãi là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). HĐXX xét thấy việc giảm một phần tiền lãi cho bị đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX ghi nhận.

Như vậy, tổng cộng gốc, lãi mà ông và bà H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL là 435.806.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông S là 21.432.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên không phải nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TTL do ông Nguyễn Văn S làm chủ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 435.806.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 335.806.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 21.432.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.940.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007822 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Hồng Điệp